

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂY BẮC LÂN**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂY BẮC LÂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Hoắc Tuấn Hùng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Đức Chiến	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên HĐ	
4	Hà Thị Ngọc Uyên	Tổ trưởng khối 1	Ủy viên HĐ	
5	Lại Thị Tuyết	Tổ trưởng khối 2	Ủy viên HĐ	
6	Trần Thị Ngọc Dung	Tổ trưởng khối 3	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn Thị Kiều Loan	Tổ trưởng khối 4	Ủy viên HĐ	
8	Đỗ Thị Kim Tú	Tổ trưởng khối 5	Ủy viên HĐ	
9	Lâm Thị Kiều	Tổ trưởng bộ môn	Ủy viên HĐ	
10	Trương Thị Hồng Gấm	Tổ trưởng tổ văn phòng- Kế toán	Ủy viên HĐ	
11	Diệp Thị Dung	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên HĐ	
12	Phan Tấn Lộc	Bí thư chi đoàn	Ủy viên HĐ	
13	Phan Thị Ngọc Hiệp	Tổng phụ trách	Ủy viên HĐ	
14	Nguyễn Thị Kim Dung	TB thanh tra	Ủy viên HĐ	
15	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nhân viên thư viện	Ủy viên HĐ	
16	Lê Thị Kim Vui	Nhân viên thiết bị	Ủy viên HĐ	
17	Đoàn Thị Bích Ngọc	Nhân viên y tế	Ủy viên HĐ	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA TRƯỜNG	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
II. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
1.1. Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	18
1.2. Tiêu chí 2: Lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	20
1.3. Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.	21
1.4. Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.	22
1.5. Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.	24
1.6. Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.	25
1.7. Tiêu chí 7: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.	27
2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	29
2.1. Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.	29

2.2. Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	31
2.3. Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên.	32
2.4. Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.	33
2.5. Tiêu chí 5: Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật.	35
3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	37
3.1. Tiêu chí 1: Khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường hoặc hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	37
3.2. Tiêu chí 2: Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh.	38
3.3. Tiêu chí 3: Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.	40
3.4. Tiêu chí 4: Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.	41
3.5. Tiêu chí 5: Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	42
3.6. Tiêu chí 6: Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.	44
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	46
4.1. Tiêu chí 1: Tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	46
4.2. Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.	48
4.3. Tiêu chí 3: Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.	50
5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	51
5.1. Tiêu chí 1: Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.	52

5.2. Tiêu chí 2: Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường.	53
5.3. Tiêu chí 3: Tham gia thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương.	55
5.4. Tiêu chí 4: Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục.	56
5.5. Tiêu chí 5: Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.	58
5.6. Tiêu chí 6: Hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.	60
5.7. Tiêu chí 7: Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.	61
III. KẾT LUẬN CHUNG	64
Phần III. PHỤ LỤC	66

**BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		X		
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2	X			
Tiêu chí 1.3		X		
Tiêu chí 1.4		X		
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chuẩn 2		X		
Tiêu chí 2.1		X		
Tiêu chí 2.2	X			
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4	X			
Tiêu chí 2.5		X		
Tiêu chuẩn 3		X		
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4		X		
Tiêu chí 4.1		X		
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chí 4.3		X		
Tiêu chuẩn 5		X		
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3		X		
Tiêu chí 5.4		X		

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.5		X		
Tiêu chí 5.6		X		
Tiêu chí 5.7		X		

Kết quả: Đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Tây Bắc Lân.

Tên trước đây (nếu có): Trường Phổ thông cấp 1 Tây Bắc Lân.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Ngọc Dung
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	08.37125521
Xã	Bà Điểm	Fax	0
Đạt chuẩn quốc gia	0	Website	thtaybaclan.hcm.edu.vn
Năm thành lập	1996	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	X	Loại hình khác	0
Tư thục	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số lớp học

	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
Khối lớp 1	10	10	10	11	10
Khối lớp 2	13	8	10	10	8
Khối lớp 3	13	12	8	10	12
Khối lớp 4	11	13	12	8	13
Khối lớp 5	10	11	12	11	11
Cộng	57	54	52	50	54

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	64	64	64	64	64	
1	Phòng học	54	54	54	54	54	
a	Phòng kiên cố	54	54	54	54	54	
b	Phòng bán	0	0	0	0	0	

	kiên cố						
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	8	8	8	8	8	
a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	3	3	3	3	3	
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	2	2	2	2	2	
IV	Các công trình, hồi phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
...							
	Cộng	69	69	69	69	69	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (Tháng 3/2018)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	1	0	0	2	
Giáo viên	73	66	2	0	4	69	

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Nhân viên	38	32	0	0	34	4	
Cộng	114	99	3	0	38	76	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
1	Tổng số giáo viên	73	72	66	64	72
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	73/57 1,28	72/54 1,33	66/52 1,26	64/50 1,28	72/54 1,33
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	73/2986 0,02	72/3005 0,02	66/2957 0,02	64/2903 0,02	72/3067 0,02
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	2	2	2	2	2
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	2986	3005	2957	2903	3067	
	- Nữ	1448	1470	1450	1389	1477	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	8	7	0	
	- Khối lớp 1	473	573	538	640	840	
	- Khối lớp 2	697	468	570	551	637	
	- Khối lớp 3	711	690	478	570	549	
	- Khối lớp 4	589	694	680	483	564	
	- Khối lớp 5	516	580	691	659	477	
2	Tổng số tuyển mới	473	573	538	640	840	

T T	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
3	Học 2 buổi/ngày	2986	3005	2957	2903	3067	
4	Bán trú	1783	2035	2248	2232	2672	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	52,38	55,64	55,86	58,06	56,78	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	2915 97,62	2929 97,47	2898 98,00	2873 98,96	2918 95,14	
	- Nữ	1448	1470	1447	1389	1477	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	10	0	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	1	2	2	2	0	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	10	20	20	20	18	
	- Nữ	1	2	2	2	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,97%	99,67%	99,93%	99,45%	99,74%	
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	95,45%	95,58%	96,28%	97,72%	96,23%	
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
Các số liệu khác (nếu có)						

c) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi						
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá						
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém						
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt						
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá						
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình						
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99.97%	99.67%	99.93%	99.45%	99.74%	Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
Các số liệu khác (nếu có)						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn được đổi tên từ Trường Phổ thông cấp 1 Tây Bắc Lân theo quyết định số 67/QĐ-UB-TH của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ngày 27 tháng 3 năm 1996 và là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Trường tọa lạc tại số 51/2 ấp Hậu Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy – Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng Trường Tiểu học Tây Bắc Lân hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy xã Bà Điểm. Các đồng chí đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào.

Nhờ sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo, Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn được khởi công xây dựng trên nền đất mới vào ngày 05 tháng 10 năm 2010 và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 15 tháng 8 năm 2012. Khuôn viên trường khang trang, thoáng mát với tổng diện tích 11614,1m² gồm 01 trệt và 03 lầu; cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ phục vụ tốt cho việc dạy và học. Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục Học sinh, chi hội khuyến học của nhà trường hoạt động có hiệu quả.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn đã vinh dự đón nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2010-2011, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo

năm học 2011-2012. Trong suốt 05 năm học liên tiếp từ 2013-2014 đến 2017-2018, trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc; Công đoàn Vững mạnh Xuất sắc, Chi đoàn Vững mạnh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được xếp loại Mạnh nhiều năm liền. Tỷ lệ Giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua các cấp luôn được duy trì; tỷ lệ Học sinh khá, giỏi ngày càng được nâng cao. Trường có 01 Giáo viên đạt giải nhất và 01 Giáo viên đạt giải khuyến khích hội thi Giáo viên giỏi cấp huyện năm học 2017-2018.

2. Mục đích tự đánh giá:

Mục đích của tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục phổ thông, để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng giáo dục của nhà trường; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Thông qua kiểm định chất lượng giúp nhà trường nhìn rõ được chất lượng đào tạo của mình để có định hướng cải tiến và nâng cao hiệu quả giáo dục cũng như định hướng phát triển cho trường. Qua đó, cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học theo Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên nhằm phân tích đánh giá được mặt mạnh và mặt yếu của nhà trường để đưa ra kế hoạch hành động khắc phục điểm yếu.

Với mục đích và nhận thức đó, Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn đã triển khai, phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, các

cá nhân phối hợp thực hiện. Các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục được triển khai thực hiện trong toàn thể hội đồng nhà trường.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Quá trình tự đánh giá của Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai với những bước như sau:

3.1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá:

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 45/QĐ-TBL ngày 10 tháng 10 năm 2018, Hội đồng gồm có 17 người, Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, các Phó Hiệu trưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng tự đánh giá là thư ký Hội đồng trường và hai nhân viên có kỹ năng tổng hợp. Các ủy viên gồm: các tổ trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế và Trưởng ban thanh tra.

Hội đồng tự đánh giá cử nhóm thư ký gồm có 03 người và 05 nhóm công tác, mỗi nhóm có từ 3 đến 4 người người để triển khai công tác tự đánh giá của nhà trường.

3.2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá:

Từ ngày 27 tháng 8 năm 2018 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018, Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường bao gồm các nội dung: Mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá; dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; thời gian biểu cho từng hoạt động,... Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất chung.

3.3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng:

Từ ngày 31 tháng 7 năm 2018 đến 12 tháng 8 năm 2018, căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Hội đồng phân công các nhóm tiến hành thu thập thông tin, minh

chứng từ hồ sơ lưu trữ của trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến hoạt động của trường.

Các nhóm tiến hành viết phiếu đánh giá tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp cho báo cáo tự đánh giá.

3.4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí:

Từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 đến ngày 17 tháng 8 năm 2018, các nhóm xác định những thông tin minh chứng cần thiết cho báo cáo tự đánh giá. Cá nhân hoặc nhóm báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng tự đánh giá. Hội đồng đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí thông qua các minh chứng thu thập được.

3.5. Viết báo cáo tự đánh giá:

Từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 đến ngày 10 tháng 9 năm 2018, Hội đồng tiến hành soạn thảo đề cương chi tiết của báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 11 tháng 9 năm 2018 đến ngày 18 tháng 9 năm 2018, Hội đồng viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 21 tháng 9 năm 2018 đến 25 tháng 9 năm 2018, Hội đồng hoàn thành báo cáo tự đánh giá, công bố trong nội bộ trường và thu thập các ý kiến đóng góp. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được lấy ý kiến góp ý của Cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục trong thời gian 15 ngày làm việc. Sau đó, Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu các ý kiến thu được để hoàn thiện báo cáo.

3.6. Công bố báo cáo tự đánh giá:

Từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 23 tháng 10 năm 2018, Hội đồng công bố công khai, rộng rãi báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT, nhà trường tiến hành đăng ký đánh giá ngoài với Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn vào ngày 26 tháng 10 năm 2018.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn có cơ cấu tổ chức, quản lý và bộ máy nhà trường theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học: Trường có 05 khối lớp; có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng; có tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các bộ phận khác. Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm có: Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội, các Giáo viên chủ nhiệm lớp và tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng. Các tổ chức và bộ phận hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng. Cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Nhà trường chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các cấp quản lý giáo dục; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường; phòng chống dịch bệnh; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng (hội đồng trường đối với trường công lập, hội đồng quản trị đối với trường tư thục, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác);

b) Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác;

c) Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 01 hiệu trưởng phụ trách chung, 02 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn khối 1,2,3,4,5, bộ môn và công tác bán trú, 01 phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn khối 1,2,3,4,5, bộ môn và cơ sở vật chất [H1-1-01-01]; [H1-1-01-02].

Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều 23, Điều lệ trường tiểu học [H1-1-01-03].

Hội đồng thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào mỗi đầu năm học, có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định tại Điều 24, Điều lệ trường tiểu học. Ngoài ra, trường còn thành lập các hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi Giáo viên dạy giỏi, Giáo viên chủ nhiệm giỏi,... [H1-1-01-04].

b) Trường có đầy đủ các tổ chức chính trị và xã hội theo đúng Điều 22, Điều lệ trường tiểu học: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với 26 đảng viên và sinh hoạt ít nhất 1 lần/tháng [H1-1-01-05].

Nhà trường có tổ chức Công đoàn [H1-1-01-06], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1-01-07], Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1-01-08] và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh [H1-1-01-09]; các tổ chức xã hội gồm: Chi hội khuyến học [H1-1-01-10], Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H1-1-01-11].

c) Trường có 06 tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và sinh hoạt theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1-01-12].

2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của nhà trường đủ, hoạt động hiệu quả và được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 2: Lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

- a) *Lớp học được tổ chức theo quy định;*
- b) *Số học sinh trong một lớp theo quy định;*
- c) *Địa điểm đặt trường, điểm trường theo quy định.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Cơ cấu các lớp học của trường được sắp xếp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Vào đầu năm học, giáo viên cho toàn thể học sinh lớp bầu chọn lớp trưởng, lớp phó bằng hình thức tự ứng cử và sẽ thay đổi luân phiên sau mỗi tháng hoặc mỗi học kỳ tùy theo tình hình học tập và hoạt động của lớp [H1-1-02-01]. Mỗi lớp học đều có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó và chia thành 04 tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1-02-01].

b) Tất cả 54 lớp của trường (49 lớp bán trú và 5 lớp 2 buổi) đều có sĩ số cao hơn 35 Học sinh/lớp; trong đó lớp có sĩ số thấp nhất là 52 Học sinh và cao nhất là 62 Học sinh. Số Học sinh bình quân 56,79 Học sinh/lớp (tổng số 3067 Học sinh/54 lớp) [H1-1-02-02]; [H1-1-02-03].

c) Trường có 01 cơ sở tại số 51/2 ấp Hậu Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thuận lợi cho việc đi lại của Học sinh. Khuôn viên trường thoáng mát, sạch đẹp, đảm bảo được môi trường giáo dục, an toàn cho Học sinh, Giáo viên và Nhân viên [H1-1-02-04].

2. Điểm mạnh:

Lớp học được tổ chức theo quy định. Địa điểm đặt trường đảm bảo an ninh, thuận lợi cho việc đi lại của học sinh.

3. Điểm yếu:

Sĩ số Học sinh/lớp vượt quá quy định tại Khoản 1, Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Bắt đầu từ năm học 2017-2018, nhà trường xây dựng lộ trình, kế hoạch tuyển sinh của đơn vị và tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm cùng với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn có định hướng trong việc phân tuyến tuyển sinh lớp 1 nhằm từng bước giảm dần sĩ số Học sinh các lớp và toàn trường xuống mức đạt chuẩn 35 Học sinh/lớp.

5. Tự đánh giá: Không đạt (Chỉ số b).

Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

- a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Mỗi năm học nhà trường có thành lập các tổ chuyên môn theo khối lớp được phân công giảng dạy. Trường có 06 tổ chuyên môn (gồm tổ khối 1, 2, 3, 4, 5, bộ môn; mỗi tổ có từ 08 → 15 thành viên) và tổ văn phòng. Các tổ đều có tổ trưởng và tổ phó để điều hành hoạt động của tổ [H1-1-03-01].

b) Các tổ có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm, tháng, tuần [H1-1-03-02]; [H1-1-03-03]. Mỗi tổ sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần và đột xuất khi có nhu cầu công việc [H1-1-03-04]; [H1-1-03-05].

c) Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ thông qua các buổi họp chuyên môn [H1-1-03-04]. Tổ chuyên môn luôn tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ một cách có hiệu quả cho các thành viên thông qua các buổi thao giảng, chuyên đề [H1-1-03-06].

Các tổ chuyên môn tham gia đánh giá, xếp loại Giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Tiểu học [H1-1-03-07].

Tổ văn phòng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học như: tham gia đánh giá xếp loại viên chức, giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê [H1-1-03-04]; [H1-1-03-05]; [H1-1-03-08]. Các thành viên tổ văn phòng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1-03-09].

Công tác tài vụ, y tế luôn được xếp loại Xuất sắc; thư viện, thiết bị được xếp loại Tốt; nhân viên bảo vệ, phục vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1-03-09]; [H1-1-03-10].

2. Điểm mạnh:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động cụ thể, rõ ràng, góp phần tích cực vào việc thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách toàn diện.

3. Điểm yếu: Bộ phận Nhân viên thư viện, thiết bị được cơ cấu vào tổ văn phòng là chưa đúng với quy định tại Điều 18, Điều lệ trường tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2017-2018, nhà trường hoàn chỉnh và duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

Mức 1:

a) Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;

c) Đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Triển khai và tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành nghiêm túc sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương; chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch phát triển và các biện pháp cụ thể của nhà trường để thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục về chuyên môn, nghiệp vụ qua các báo cáo, nghị quyết của Chi bộ Đảng và đơn vị [H1-1-04-01].

Chi bộ có sổ lưu trữ văn bản của các cấp ủy Đảng, cơ quan quản lý liên quan đến hoạt động của nhà trường [H1-1-04-02].

b) Hiệu trưởng và nhân viên văn thư thường xuyên cập nhật thông tin trên trang web của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất chính xác, đúng quy định [H1-1-04-03].

c) Nhà trường có xây dựng quy chế dân chủ tại đơn vị. Tất cả các kế hoạch hoạt động đều được bàn bạc, thảo luận trước khi thực hiện.

Các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện đúng các quy định của Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của nhà trường [H1-1-04-04]; [H1-1-04-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt sự chỉ đạo của Đảng ủy; chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định. Quy chế dân chủ được thực hiện tốt trong hoạt động của nhà trường, góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương một cách triệt để, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc

sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục; phát huy việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.

Mức 1:

a) Có đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học;

b) Lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ;

c) Thực hiện các cuộc vận động, tổ chức và duy trì phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các hồ sơ: Sổ đăng bộ [H1-1-05-01]; sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1-05-02]; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá Học sinh và sổ theo dõi chất lượng giáo dục [H1-1-02-03]; hồ sơ giáo dục đối với Học sinh khuyết tật [H1-1-05-03]; học bạ của Học sinh [H1-1-05-04]; sổ quản lý Cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1-05-05]; sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1-03-08]; sổ quản lý các văn bản, công văn [H1-1-04-03].

b) Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1-04-03].

c) Nhà trường có xây dựng, tổ chức thực hiện các cuộc vận động của các cấp. Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành như cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; “Hai không” với 4 nội dung: Nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích, vi phạm đạo đức nhà giáo và việc học sinh ngồi nhầm lớp; “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”,... thông qua hồ sơ sinh hoạt chuyên đề của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội về các cuộc vận động, phong trào thi đua [H1-1-05-06].

Nhà trường thực hiện tốt các cuộc vận động và được đánh giá cao những hoạt động đã tham gia [H1-1-05-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường lưu trữ hồ sơ đầy đủ, khoa học phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Phong trào thi đua và thực hiện các cuộc vận động được tổ chức tốt và duy trì thường xuyên, mang lại hiệu quả ngày càng cao, nâng cao nhận thức cho tập thể Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục thực hiện và lưu trữ tốt các loại hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học;

b) Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của pháp luật;

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý rõ ràng theo từng giai đoạn, từng học kỳ, từng tháng, từng tuần. Các kế hoạch trên đều được thông qua Hội đồng trường để triển khai thực hiện [H1-1-06-01].

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp [H1-1-06-01]; có phân công cụ thể cho từng bộ phận, từng cá nhân. Báo cáo cuối năm học của nhà trường có nội dung đánh giá công tác quản lý [H1-1-06-02]. Tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý Học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1-02-03]; [H1-1-05-01]; [H1-1-05-04].

b) Hiệu trưởng thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm quản lý Cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy trình và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; phân công Giáo viên, Nhân viên đúng theo năng lực chuyên môn và phù hợp với nhu cầu đơn vị. Việc thực hiện tuyển dụng viên chức đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của pháp luật [H1-1-06-03]; [H1-1-06-04]. Hồ sơ quản lý Cán bộ, giáo viên, nhân viên được cập nhật đầy đủ hàng năm [H1-1-06-04].

c) Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, Cơ sở vật chất theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục. Trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp bản đồ hiện trạng vị trí số 90135/CNHM ngày 29 tháng 11 năm 2011 [H1-1-06-05]. Nhà trường thực hiện đầy đủ sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1-03-08].

2. Điểm mạnh:

Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý Cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của pháp luật.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm, tiếp tục duy trì và phát huy công tác quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh; quản lý tài chính, đất

đai, Cơ sở vật chất theo quy định. Nhà trường liên hệ với Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn để hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2016.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

1.7. Tiêu chí 7: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội của nhà trường;

b) Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có các phương án, kế hoạch để đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống tai nạn, thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng tránh các hiểm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các tệ nạn xã hội [H1-1-07-01]; [H1-1-07-02]; [H1-1-07-03].

b) Nhà trường có kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn cho Học sinh và Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Trường có 04 bảo vệ được phân công trực công hợp lý về thời gian và địa điểm để đảm bảo an toàn cho Học sinh, Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1-07-01]; [H1-1-07-04].

c) Nhà trường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục về giới tính, phòng chống bạo lực học đường cho Học sinh; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1-07-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Thực hiện có hiệu quả việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Duy trì thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Đẩy mạnh việc thực hiện không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

- Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được tổ chức và thực hiện tốt với cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường tiểu học. Các đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện đúng chức năng, phối hợp đồng bộ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chuyên môn với lực lượng nòng cốt vững tay nghề, có kinh nghiệm trong việc quản lý tổ khối đã tổ chức, thực hiện hiệu quả các kế hoạch hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Nhân viên tổ văn phòng có ý thức chấp hành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện hiệu quả công việc. Cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn.

- Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường từng bước đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành, tổ chức hoạt động của nhà trường thực hiện nhiệm vụ trong từng năm học.

Điểm yếu cơ bản:

- Sĩ số học sinh quá đông so với quy định (56,73 Học sinh/lớp).
- Trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Vẫn còn tình trạng phụ huynh và Học sinh mua quà bánh trước cổng trường.

Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1/7

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu: Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn luôn xác định nhà trường vững mạnh, cần phải có Cán bộ quản lý đủ sức khỏe, phẩm chất, năng lực; đội ngũ Giáo viên đầy đủ theo quy định, có trình độ sư phạm, được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cùng với đội ngũ Nhân viên đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định. Cán bộ quản lý nhà trường có quan điểm lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ quản lý qua trường lớp, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và yêu thương Học sinh. Cán bộ quản lý nhà trường luôn đoàn kết và thống nhất cao.

Đội ngũ Giáo viên nhà trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghề, hết lòng vì Học sinh và sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Đội ngũ Nhân viên nhà trường có đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có ý thức làm việc nghiêm túc.

Học sinh của nhà trường đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật. Hầu hết các em đều chăm ngoan, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người Học sinh và có ý thức thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy.

Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) *Hiệu trưởng có số năm dạy học từ 4 năm trở lên, phó hiệu trưởng từ 2 năm trở lên (không kể thời gian tập sự);*

b) Được đánh giá hằng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có nhiều năm trực tiếp giảng dạy ở cấp tiểu học (hiệu trưởng: 11 năm; phó hiệu trưởng 1: 12 năm; phó hiệu trưởng 2: 14 năm) theo đúng yêu cầu và được bổ nhiệm quản lý theo đúng quy định [H2-2-01-01].

b) Cán bộ quản lý được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn. Nhà trường tiến hành thực hiện lấy ý kiến tín nhiệm thông qua việc bỏ phiếu kín. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được đánh giá và xếp loại Xuất sắc theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2-01-02]; [H2-2-01-03].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã có bằng Cử nhân Quản lý Giáo dục. Hiệu trưởng đã có bằng Cao cấp Chính trị, 02 phó hiệu trưởng đã có bằng Trung cấp Chính trị [H2-2-01-04].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn vững vàng. Hằng năm, Cán bộ quản lý được đánh giá xuất sắc theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường; phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

a) Số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định;

b) Giáo viên dạy các môn: thể dục, âm nhạc, mỹ thuật, ngoại ngữ, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh đảm bảo quy định;

c) Giáo viên đạt trình độ chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 20% trở lên đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và 40% trở lên đối với các vùng khác.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Đội ngũ Giáo viên đủ số lượng [H2-2-02-01]. Tỷ lệ Giáo viên bình quân đạt 1,33 Giáo viên/lớp. Giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H2-2-02-02].

b) Có Giáo viên chuyên trách được đào tạo chuyên ngành (01 Giáo viên môn Âm nhạc, 03 Giáo viên môn Thể dục, 02 Giáo viên môn Tin học, 06 Giáo viên môn Tiếng Anh). Nhà trường chưa có Giáo viên chuyên dạy môn Mỹ thuật [H2-2-02-03].

Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có bằng đúng theo quy định, hằng năm đều được bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Đội. Công tác Đội của trường được xếp loại Xuất sắc nhiều năm liền [H2-2-02-04].

c) Giáo viên đạt trình độ chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn là 65/69 Giáo viên - tỷ lệ 94,20% (Trình độ Đại học 47/69 Giáo viên - tỷ lệ 63,12%, trình độ Cao đẳng 18/69 Giáo viên - tỷ lệ 26,09%) [H2-2-02-03]; [H2-2-02-05].

2. Điểm mạnh:

Giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao, 94,20%.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có Giáo viên chuyên dạy môn Mỹ thuật, chưa đảm bảo tỷ lệ 1,5 Giáo viên/lớp đối với trường dạy 2 buổi/ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018-2019, Hiệu trưởng đề xuất với Phòng Giáo dục và Đào

tạo huyện Học Môn bổ sung biên chế Giáo viên dạy bộ môn Mỹ thuật và Giáo viên dạy nhiều môn để đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Không đạt (Chỉ số a, b).

Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên.

Mức 1:

a) Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt 100% từ loại trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 50% xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

b) Số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên đạt ít nhất 5%;

c) Giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường có thực hiện đánh giá xếp loại Giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên tiểu học. Có 100% Giáo viên được xếp loại từ khá trở lên [H2-2-03-01].

	2014-2013	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Xuất sắc	35/71 49,30%	15/71 21,13%	54/66 81,82%	35/71 49,30%	65/73 89,04%
Khá	36/71 50,70%	56/71 78,87%	12/66 18,18%	36/71 50,70%	18/73 10,96%

b) Trong nhiều năm liên, nhà trường luôn duy trì được thành tích trong việc tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp thành phố theo tỷ lệ do Phòng Giáo dục và Đào tạo quy định. Số lượng Giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hằng năm được giữ vững. Năm học 2017-2018, trường có 2/73 Giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi cấp huyện chiếm tỷ lệ 2,74% (trong đó có 01 Giáo viên đạt giải nhất và 01 Giáo

viên đạt giải khuyến khích) [H2-2-03-02].

c) Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy như đầu tư trang thiết bị dạy học, hỗ trợ văn phòng phẩm làm đồ dùng dạy học [H2-2-03-03]. Giáo viên được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ và được chăm sóc tốt về quyền lợi vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật [H2-2-03-04]; [H2-2-03-05]; [H2-2-03-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại Giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp; 100% Giáo viên được xếp loại từ khá đến xuất sắc. Công đoàn nhà trường thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ Giáo viên; cùng với chính quyền nhà trường tuyên dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân đạt thành tích trong các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì công tác đánh giá, xếp loại Giáo viên hằng năm đúng theo quy định. Không ngừng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ Giáo viên để giữ vững thành tích cho đơn vị qua các hội thi Giáo viên dạy giỏi. Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị để động viên, khuyến khích Giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.

Mức 1:

a) *Số lượng nhân viên đảm bảo quy định;*

b) *Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị dạy học có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc;*

c) *Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng Nhân viên làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thủ quỹ và Nhân viên khác (theo hướng dẫn cụ thể tại Điểm c Khoản 1 Mục II của Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNhan viên ngày 23 tháng 8 năm 2006 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập) bao gồm: 01 y tế, 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thư viện, 01 thiết bị, 01 học vụ, 05 phục vụ, 06 bảo vệ, 17 cấp dưỡng [H2-2-04-01]; [H2-2-04-02].

b) Nhân viên kế toán có bằng đại học đúng chuyên ngành nên thực hiện tốt công tác tài chính tại đơn vị. Nhân viên y tế có bằng trung cấp điều dưỡng, được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, có kinh nghiệm công tác nên hiệu quả công việc rất cao. Nhân viên văn thư có bằng Đại học Công nghệ thông tin và có bằng Trung cấp Văn thư Lưu trữ. Viên chức làm công tác thư viện có bằng Trung cấp Thư viện; viên chức làm công tác thiết bị dạy học chưa qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ. Các nhân viên khác đều được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo chuyên ngành do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn tổ chức. Đội ngũ Nhân viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc được phân công [H2-2-04-02].

c) Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, 100% Nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1-03-09].

Nhà trường luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ Nhân viên; đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách cho đội ngũ theo quy định [H1-1-03-08].

2. Điểm mạnh:

Trường có đầy đủ số lượng Nhân viên, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động giáo dục khác của đơn vị.

3. Điểm yếu:

Viên chức làm công tác thiết bị chưa có bằng cấp đúng chuyên ngành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác nâng cao trình độ cho đội ngũ Nhân viên và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định. Trong năm học 2018-2019, tạo điều kiện cho nhân viên làm công tác thiết bị theo học các lớp đào tạo đúng chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Không đạt (Chỉ số b).

Tiêu chí 5: Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật.

Mức 1:

- a) Đảm bảo quy định về tuổi học sinh;*
- b) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Tất cả Học sinh của nhà trường đều đảm bảo quy định về tuổi, không có Học sinh học vượt lớp [H1-1-05-01].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của Học sinh tiểu học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; không có Học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1-02-03].

c) Nhà trường luôn đảm bảo cho Học sinh được hưởng đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 42, Điều lệ trường tiểu học như: được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng được đảm bảo những điều kiện về thời gian, Cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Học sinh được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. Sau khi học hết cấp tiểu học, Học sinh được xác nhận hoàn thành Chương trình tiểu học theo quy định [H1-1-02-03]; [H2-2-05-01]. Học sinh trong nhà trường luôn được quan tâm bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng [H2-2-05-02]; [H2-2-05-03].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, đảm bảo tuyển sinh đúng quy định về độ tuổi, không có Học sinh học vượt lớp.

- Tất cả Học sinh đều thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Học sinh và quy định về các hành vi Học sinh không được làm; Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018-2019, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được; tăng cường việc giáo dục Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền theo đúng Điều lệ trường tiểu học thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần và các tiết sinh hoạt chủ nhiệm lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

- Cán bộ quản lý Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn luôn được tập thể sư phạm nhà trường tin nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn, có trình độ lý luận chính trị, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục. Nhà trường có đủ số lượng Giáo viên, Nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng và được phân công giảng dạy, công tác theo đúng chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ Giáo viên của trường có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy tốt, 100% Giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 94,82% Giáo viên đạt trên chuẩn.

- Các thành viên trong nhà trường đều tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Nội bộ luôn đoàn kết, nhất trí cao trong công tác giáo dục toàn diện cho Học sinh. Tất cả Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo đầy đủ, kịp thời về chế độ, chính sách.

Điểm yếu cơ bản:

- Nhà trường còn thiếu Giáo viên chuyên bộ môn Mỹ thuật.

- Chưa đảm bảo tỷ lệ 1,5 Giáo viên/lớp đối với trường dạy 2 buổi/ngày.
- Nhân viên thiết bị chưa được đào tạo đúng chuyên ngành theo quy định.

Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/5

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu: Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố rất cần thiết trong nhà trường hiện nay, là một trong những điều kiện giúp nhà trường phát triển về mọi mặt. Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn đáp ứng được các yêu cầu của giáo dục về khuôn viên nhà trường, phòng học, thiết bị giáo dục,... và cả môi trường. Trường có hệ thống nước sạch phục vụ tốt cho các hoạt động trong nhà trường. Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện.

Tiêu chí 1: Khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường hoặc hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

- a) *Diện tích khuôn viên và các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đảm bảo quy định;*
- b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh theo quy định;*
- c) *Có sân chơi, bãi tập theo quy định.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích 11614,1m². Tổng số Học sinh là 3067 em, bình quân 3,79m²/Học sinh chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có cây xanh bóng mát, sạch, đẹp. Nhà trường luôn quan tâm đến việc chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh và các cây xanh được bố trí trước phòng học tạo nên vẻ xanh, sạch, đẹp, thoáng mát ở mỗi lớp [H1-1-06-05]; [H3-3-01-01].

b) Trường có cổng trường, biển tên trường, hàng rào bao quanh có chiều cao đạt chuẩn quy định, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ, đáp ứng theo nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5, Điều lệ trường tiểu học.

c) Trường có sân chơi và sân tập thể dục cho Học sinh. Sân chơi bằng phẳng, lát gạch và đổ bê tông, có độ nhám đảm bảo an toàn cho Học sinh. Diện tích sân chơi, bãi tập của Học sinh là 5422,92m² chiếm tỷ lệ 46,69% [H3-3-01-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, đẹp và gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt, có sân chơi rộng, thoáng mát để Học sinh vui chơi và tập thể dục.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6m²/1 học sinh đối với khu vực thành phố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018-2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm hợp lý, góp phần giảm số lượng Học sinh, đảm bảo diện tích bình quân cho mỗi Học sinh theo quy định.

5. Tự đánh giá: Không đạt (chỉ số a)

Tiêu chí 2: Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh.

Mức 1:

a) Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học;

b) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế;

c) Kích thước, màu sắc, cách treo của bảng trong lớp học đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các phòng học phục vụ việc giảng dạy theo đúng quy cách gồm 54 phòng, đảm bảo cho 54 lớp học. Ngoài ra, trường còn có 01 phòng học Tin học, 02 phòng học Tiếng Anh. Các phòng học bộ môn Tin học, Tiếng Anh có đầy đủ phương tiện dạy học giúp Học sinh phát triển năng khiếu. Phòng học rộng thoáng mát có diện tích 64m², được trang bị hệ thống đèn, quạt, đảm bảo đủ ánh sáng, an toàn cho Giáo viên và Học sinh theo quy định về vệ sinh trường học, đáp ứng tốt việc tổ chức học bán trú cho Học sinh. Mỗi phòng học đều được trang trí ảnh Bác, bản đồ Việt Nam, bảng 5 điều Bác Hồ dạy, trích thư Bác Hồ gửi Học sinh theo đúng quy định. Ngoài ra, còn có bảng tin, bảng từ, góc sản phẩm, góc thư viện, tủ đựng đồ dùng dạy học, tủ đựng đồ dùng bán trú trong từng lớp học [H3-3-02-01].

b) Bàn ghế Học sinh đúng quy cách, có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc đảm bảo đầy đủ yêu cầu và quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3-02-02].

c) Mỗi lớp đều có bảng từ màu xanh chống lóa, được kẻ ô ly, chiều dài 3m và chiều rộng 1,2m được đặt áp sát tường, mép dưới cách nền 1m ngang tầm mắt học sinh ngồi [H3-3-02-03].

2. Điểm mạnh:

Trường có đủ phòng học để phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018-2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục bảo quản trang thiết bị lớp học hiện có để phục vụ tốt nhu cầu học tập của Học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3: Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Mức 1:

a) Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị, khu nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) đảm bảo quy định;

b) Có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo quy định;

c) Có các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối mạng internet phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có khối phòng phục vụ học tập đảm bảo theo quy định bao gồm: phòng học vi tính, phòng học ngoại ngữ, phòng thư viện, phòng thiết bị giáo dục và phòng hoạt động Đoàn - Đội [H3-3-03-01].

Trường có khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo quy định bao gồm: phòng Giáo viên, phòng nghỉ cho Giáo viên, phòng hành chính, phòng y tế học đường, phòng hội trường, phòng bảo vệ và nhà kho [H3-3-03-01].

Khu nhà ăn của trường đảm bảo theo quy định, tách biệt với khu học tập của Học sinh [H3-3-03-01]. Trường chưa có khu nhà nghỉ riêng biệt.

b) Phòng y tế được trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, các thiết bị y tế tối thiểu trong việc sơ cấp cứu đảm bảo theo quy định [H3-3-03-02]; [H3-3-03-03].

c) Trường trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng như: máy tính nối mạng Internet, máy photo, máy in, máy scan, máy quay phim, máy chụp hình,... phục vụ đầy đủ kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3-02-01].

2. Điểm mạnh:

Khối phòng hành chính, quản trị có đầy đủ các trang thiết bị, phục vụ tốt cho công tác quản lý và các hoạt động giáo dục. Khối phòng phục vụ học tập hỗ trợ hiệu quả cho việc dạy và học.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có phòng tập đa năng, phòng học âm nhạc và nhà nghỉ dành riêng cho Học sinh bán trú

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2017-2018, nhà trường tiếp tục tham mưu, đề xuất với lãnh đạo cấp trên về nhu cầu xây dựng các phòng chức năng còn thiếu nhằm đáp ứng các yêu cầu trong hoạt động giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Không đạt (Chỉ số a).

Tiêu chí 4: Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, thuận lợi cho học sinh khuyết tật (nếu có), vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ;

b) Có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có 09 khu vệ sinh riêng cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên (diện tích khu nam 66,8m²; khu nữ 78,4m²), có 22 khu vệ sinh Học sinh (diện tích khu nam 286,8m²; khu nữ 296,9m²). Các nhà vệ sinh được đặt tại vị trí thuận tiện, luôn sạch sẽ, thoáng mát; có đầy đủ xà bông, nước sạch cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh sử dụng. Khu nhà vệ sinh Học sinh được trang trí đẹp, có vẽ tranh tường, mỗi phòng đều có nhạc, bảng nội quy, mang tính giáo dục cao [H3-3-01-01].

b) Nhà trường có bố trí nơi để xe dành riêng cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh. Các khu nhà xe được xây dựng riêng biệt với khu học tập và sinh hoạt của Học sinh [H3-3-01-01].

c) Nhà trường sử dụng nước giếng, có hệ thống lọc, đủ lượng nước sạch cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh sử dụng trong ngày. Sử dụng

nước uống đóng bình, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Các nguồn nước đều được kiểm định chất lượng thường xuyên và có giấy chứng nhận của ngành y tế [H3-3-04-01]. Nhà trường có hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường [H3-3-04-02].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống các công trình vệ sinh của nhà trường hoàn thiện, thẩm mỹ; luôn được chú trọng cải tạo thêm sạch đẹp.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giữ gìn sạch đẹp, kịp thời sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh và hệ thống thoát nước, rác thải để tạo môi trường luôn an toàn, thuận tiện, sạch sẽ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 5: Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 1:

a) Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Thư viện có diện tích 212,8m² gồm khu đọc sách dành cho Học sinh, phòng đọc sách Giáo viên và kho sách. Thư viện được nối mạng đáp ứng nhu cầu quản lý sách bằng phần mềm theo quy định. Thư viện trường đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H3-3-05-01].

b) Thư viện nhà trường có nội dung hoạt động phù hợp với giáo dục toàn

diện, với công việc của Giáo viên và tâm lý của lứa tuổi Học sinh. Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh. Nhà trường có trang bị các loại báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi, văn học nghệ thuật,... đảm bảo phục vụ nhu cầu nghiên cứu của Giáo viên và tham khảo của Học sinh. Hằng năm, thư viện nhà trường tổ chức các chuyên đề, hội thi kể chuyện sách, giới thiệu sách theo chủ đề, chủ điểm,... tạo sự phong phú, đa dạng loại hình hoạt động cho thư viện nhằm thu hút Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh đến thư viện. Phòng đọc sách của Giáo viên và Học sinh hoạt động hiệu quả. Thư viện nhà trường đạt thư viện tiên tiến [H3-3-05-02]; [H3-3-05-03]; [H3-3-05-04].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bổ sung các loại sách, báo, tài liệu tham khảo cho thư viện. Đảm bảo bổ sung đủ tài liệu trong thư viện cho nhu cầu sử dụng tối thiểu của Giáo viên-Nhân viên và Học sinh [H3-3-05-05]; [H3-3-05-06].

2. Điểm mạnh:

Thư viện đạt chuẩn theo quy định, có đủ các loại đầu sách, báo cần thiết phục vụ cho hoạt động dạy và học; tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, phù hợp với giáo dục toàn diện và tâm lý của lứa tuổi học sinh, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo để phục vụ tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên- Học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 6: Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

Mức 1:

a) *Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

- b) Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*
- c) Kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hằng năm.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có phòng thiết bị riêng với diện tích 128m² được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những thiết bị dạy học dùng chung được bố trí, sắp xếp tại phòng thiết bị gồm: 06 kệ đựng tranh (mỗi kệ 05 ngăn), 05 tủ đựng đồ dùng dạy học (mỗi tủ 05 ngăn), tủ đựng dụng cụ thể dục thể thao, dụng cụ âm nhạc,... Các tủ đồ dùng được trưng bày gọn gàng, đẹp mắt, dễ tìm kiếm khi cần. Mỗi phòng học được trang bị 01 tủ đồ dùng cho Giáo viên, trong đó có đầy đủ các đồ dùng theo danh mục tối thiểu phục vụ cho công tác giảng dạy của Giáo viên. Trường có 02 bảng tương tác, 04 máy chiếu và 03 Laptop nên rất thuận lợi cho Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy [H3-3-06-01]; [H3-3-03-01].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc sử dụng Đồ dùng dạy học được cung cấp, ghi nhận số mượn đồ dùng vào ngày 15 hàng tháng. Khuyến khích Giáo viên tự làm thêm Đồ dùng dạy học phục vụ giảng dạy; tăng cường sử dụng giáo án điện tử và giảng dạy trên bảng tương tác [H3-3-06-02]; [H1-1-03-06]; [H3-3-06-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và các thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập [H3-3-06-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, Đồ dùng dạy học đáp ứng các hoạt động giáo dục trong trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thiết bị được cấp phát, bổ sung kịp thời, đầy đủ. Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị, Đồ dùng dạy học sẵn có và tự làm.

3. Điểm yếu:

Việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên chưa đầy đủ ở các tiết dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm, nhà trường tiếp tục đầu tư, bổ sung trang thiết bị, Đồ dùng dạy học cho bộ phận thiết bị; đẩy mạnh phong trào thi đua làm Đồ dùng dạy học của Giáo viên, có kế hoạch dự trù kinh phí đầu năm hỗ trợ Giáo viên trong công tác tự làm Đồ dùng dạy học. Tạo điều kiện cho giáo viên tự làm Đồ dùng dạy học phục vụ cho các tiết dạy đầy đủ và đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

- Trường có khuôn viên riêng biệt, đẹp và gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt. Các hạng mục xây dựng đảm bảo an toàn và thẩm mỹ, có sân rộng để Học sinh vui chơi và sinh hoạt.

- Trường có hệ thống phòng học, phòng chức năng kiên cố, đảm bảo đúng quy cách theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có đủ phòng cho tất cả các lớp học 2 buổi/ngày. Phòng học có đủ các thiết bị đạt yêu cầu, bàn ghế Học sinh, bảng từ đảm bảo quy cách và các quy định về vệ sinh trường học. Hệ thống các công trình vệ sinh của nhà trường hoàn thiện, luôn được chú trọng cải tạo thêm, trường có nguồn nước sạch, đảm bảo tốt cho nhu cầu sinh hoạt của Cán bộ, giáo viên, nhân viên và Học sinh.

- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường đầy đủ phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của Giáo viên và học tập của Học sinh. Trang thiết bị được cấp phát, bổ sung kịp thời, đầy đủ; có sổ sách theo dõi việc mượn Đồ dùng dạy học; 100% Giáo viên lên lớp có sử dụng Đồ dùng dạy học. Giáo viên tích cực thiết kế bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa có phòng giáo dục thể chất, phòng học âm nhạc và nhà nghỉ dành riêng cho Học sinh bán trú. Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh chưa đạt theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/6

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Nhà trường, gia đình và xã hội là 3 yếu tố không thể tách rời. Mối quan hệ này càng gắn bó mật thiết, càng chặt chẽ thì việc giáo dục Học sinh càng đạt hiệu quả cao. Vì vậy, nhà trường đã chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Việc trao đổi giữa nhà trường và gia đình sẽ tạo điều kiện cho việc giáo dục, quản lý Học sinh ở trường và ở nhà được thuận lợi, hỗ trợ tốt cho việc giáo dục nhân cách Học sinh.

Tiêu chí 1: Tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động;

c) Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức Đại hội Cha mẹ học sinh ngay từ đầu năm để đề cử Ban đại diện Cha mẹ học sinh của lớp và của trường. Mỗi lớp có Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm trưởng ban và phó trưởng ban. Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường gồm 07 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 05 ủy viên. Ban đại diện Cha mẹ học sinh có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2011 về Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H4-4-01-01]; [H4-4-01-02].

b) Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động. Nhiều năm qua, nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn có sự phối hợp tốt trong các hoạt động của trường như tạo điều kiện để Cha mẹ học sinh cùng tham gia vào các phong trào văn thể mỹ, sinh hoạt ngoại khoá, xét học bổng cho Học sinh,... Từ đó, Cha mẹ học sinh hiểu rõ những khó khăn và sẵn sàng chia sẻ với nhà trường [H4-4-01-01].

c) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp Ban đại diện Cha mẹ học sinh 04 lần/năm và họp toàn thể Cha mẹ học sinh 03 lần/năm. Nội dung các cuộc họp tập trung vào các vấn đề: tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục Học sinh; giải quyết các kiến nghị của Cha mẹ học sinh; góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh; đề ra các giải pháp hỗ trợ, phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện Cha mẹ học sinh trong hoạt động giáo dục Học sinh và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường [H4-4-01-01]; [H4-4-01-02].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường được thành lập và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục và xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục phát huy hiệu quả sự phối hợp trong hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh và nhà trường nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.

Mức 1:

a) Chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh;

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường qua các báo cáo, nghị quyết của Chi bộ. Nhà trường tạo được mối quan hệ tốt với nhân dân, chính quyền địa phương. Qua đó, phát huy tính tích cực của xã hội trong việc ủng hộ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1-04-01].

b) Nhà trường tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, Đoàn xã, Công an xã,... trong việc giữ gìn trật tự an toàn giao thông trong giờ Cha mẹ học sinh đưa đón Học sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và trước cổng trường học, xây dựng “Cổng trường em Sạch đẹp - An toàn”; tuyên truyền giáo dục Học sinh về nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị [H4-4-02-01].

Thực hiện tốt ngày hội vệ sinh, ngày hội an toàn giao thông, tuyên truyền phòng chống AIDS,...nhằm xây dựng môi trường lành mạnh trong nhà trường

và ở địa phương [H4-4-02-02].

c) Tích cực huy động các nguồn lực tự nguyện của cá nhân và tập thể ủng hộ để xây dựng và sửa chữa Cơ sở vật chất trường học ngày càng hoàn thiện. Vận động Cha mẹ học sinh hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội khuyến học trên tinh thần tự nguyện để khen thưởng Học sinh và tặng học bổng cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh khuyết tật đang học hòa nhập tại trường [H4-4-02-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức đoàn thể của xã Bà Diêm để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để khen thưởng, động viên Học sinh vươn lên trong học tập, rèn luyện.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong mỗi năm học, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục để tranh thủ mọi nguồn lực hỗ trợ xây dựng Cơ sở vật chất, khen thưởng Học sinh, trao học bổng cho Học sinh nghèo học giỏi và giúp đỡ cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh khuyết tật của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3: Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Mức 1:

a) *Phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc;*

b) *Chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương;*

c) Tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh tiểu học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, công ty du lịch trong cộng đồng để tổ chức cho Học sinh tham gia các hoạt động ngoại khoá, tham quan các di tích lịch sử và khu văn hoá nhằm giáo dục Học sinh về truyền thống văn hoá dân tộc. Huy động tốt sự phối hợp nhiệt tình của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các đội ngũ trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục truyền thống văn hoá của địa phương [H4-4-03-01]; [H4-4-02-02].

b) Liên đội nhà trường thường xuyên tổ chức cho Học sinh chăm sóc nhà truyền thống xã Bà Điểm, đền ông Phan Văn Hớn. Hằng năm, cùng với xã Đoàn, Chi đoàn và các em Học sinh đến thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Diệp ở ấp Đông Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn [H4-4-02-02].

c) Nhà trường tuyên truyền về nội dung, phương pháp và cách đánh giá Học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua các buổi họp Cha mẹ học sinh định kỳ, qua sổ liên lạc,... tạo điều kiện cho Cha mẹ học sinh cùng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục tiểu học [H4-4-01-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho Học sinh nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp cùng chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể tạo điều kiện cho nhiều Học sinh được tham gia chăm sóc các di tích lịch sử, các công trình văn hóa ở địa

phương nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc phối hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục: Nhà trường - Gia đình - Xã hội.

- Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhiệt tình, trách nhiệm, quan tâm, ủng hộ đến các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Giữa nhà trường với cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương có sự phối hợp chặt chẽ. Nhà trường được sự hỗ trợ tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Không có.

Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Để có được một kết quả giáo dục tốt, ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường phải thực hiện việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn một cách cụ thể. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc nội dung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, thực hiện đúng các quy chế chuyên môn. Hoạt động giáo dục trong nhà trường được triển khai đến mỗi Giáo viên trong từng năm học theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Bên cạnh đó, nhà trường luôn tạo điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường.

Ngoài chất lượng giáo dục, nhà trường còn quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của Học sinh.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được Giáo viên chú trọng và thực hiện đúng quy định nhằm giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để Học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Tiêu chí 1: Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần;
- b) Dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương;
- c) Thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn cụ thể cho từng năm học, tháng, tuần đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục Học sinh của nhà trường [H5-5-01-01]; [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

b) Trường thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy theo công văn số 9832/BGiáo dục và Đào tạo-GDTH ngày 01 tháng 9 năm 2006, công văn 896/BGiáo dục và Đào tạo-GDTH và văn bản 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc hướng dẫn điều chỉnh việc dạy học cho Học sinh tiểu học, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng Học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển trong điều kiện thực tế của địa phương [H5-5-01-04]; [H5-5-01-05]; [H5-5-01-06].

c) Nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện bồi dưỡng Học sinh giỏi,

phụ đạo Học sinh yếu ngay sau khi khảo sát chất lượng đầu năm học [H5-5-01-07]. Các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng Học sinh giỏi, phụ đạo Học sinh yếu của từng khối lớp [H5-5-01-08].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch hoạt động chuyên môn được nhà trường xây dựng rõ ràng, cụ thể theo học kỳ, tháng, tuần nhằm thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tổ chuyên môn thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng Học sinh giỏi và phụ đạo Học sinh yếu.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy việc thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của ngành, đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục đã đề ra.” và “tăng cường việc bồi dưỡng Học sinh giỏi và phụ đạo Học sinh yếu tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 2: Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường.

Mức 1:

- a) Có chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hằng năm;*
- b) Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Căn cứ vào kế hoạch chung của năm học, nhà trường đã phối hợp tốt với các đoàn thể trong trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khoá, giáo dục ngoài giờ lên lớp [H5-5-02-01]. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường được

tổ chức thực hiện tốt, tạo được hiệu quả trong công tác giáo dục toàn diện Học sinh [H5-5-02-02].

b) Nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của Học sinh, tạo được sự hứng thú cho các em, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức cho Học sinh; cụ thể như: hoạt động văn hóa, văn nghệ, tham quan, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao,...; các ngày lễ hội như: ngày hội trăng rằm nhân dịp tết Trung thu, Lễ hội nhớ ơn thầy cô Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày hội Môi trường, ngày hội Âm thực mừng tết Nguyên đán,... [H5-5-02-01]; [H4-4-02-02].

c) Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch phân công và huy động lực lượng Giáo viên, Nhân viên tham gia hỗ trợ các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H5-5-02-03]; [H5-5-02-04].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được nhà trường tổ chức theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi Học sinh, được các em tham gia tích cực. Lực lượng Giáo viên, Nhân viên đa số là trẻ và năng động nên hưởng ứng rất nhiệt tình. Chính vì thế, các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường luôn đạt kết quả cao.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu với Ban đại diện Cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương tạo điều kiện hỗ trợ nhà trường tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3: Tham gia thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương.

Mức 1:

a) *Tham gia thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương;*

b) Tổ chức và thực hiện "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", huy động trẻ trong độ tuổi đi học;

c) Có các biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật tới trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp tốt với chuyên trách phổ cập xã Bà Điểm trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Nhờ sự phối hợp nhịp nhàng, các biện pháp thực hiện phù hợp với thực tế tại địa phương và tại trường nên công tác phổ cập của trường luôn đáp ứng được yêu cầu chung của ngành giáo dục [H1-1-05-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phối hợp với địa phương rà soát, vận động, đưa trẻ ra lớp đúng chỉ tiêu của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phân bổ. Kế hoạch tuyển sinh được thông báo đến địa phương, giấy gọi Học sinh ra lớp được gửi trực tiếp đến từng hộ dân trong địa bàn theo danh sách điều tra của chuyên trách phổ cập xã, đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp [H1-1-06-01]; [H5-5-03-01].

c) Hàng năm, nhà trường luôn quan tâm, giải quyết những trường hợp Học sinh diện gia đình chính sách, diện gia đình có mã số hộ nghèo, Học sinh người dân tộc được miễn giảm học phí học 2 buổi/ngày, nhằm tạo điều kiện cho các em đến trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Học sinh khuyết tật được học hòa nhập, giúp các em có môi trường học tập tốt và thuận lợi trong sinh hoạt hàng ngày. Phối hợp với các đoàn thể, chi hội khuyến học tổ chức tặng quà, trao học bổng cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H5-5-03-02].

2. Điểm mạnh:

Huy động 100% trẻ trong độ tuổi được đi học, tạo được sự đồng tình, hưởng ứng tốt từ Cha mẹ học sinh. Luôn quan tâm, chăm lo, giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được đến trường học tập và vui chơi.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phối hợp chặt chẽ với địa phương, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục; tạo mọi điều kiện thuận lợi để Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp, Học sinh khuyết tật được học hoà nhập và duy trì trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 4: Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên đạt ít nhất 90% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và ít nhất 95% đối với các vùng khác;*
- b) Tỷ lệ học sinh xếp loại khá đạt ít nhất 30% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và ít nhất 40% đối với các vùng khác;*
- c) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi đạt ít nhất 10% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và ít nhất 15% đối với các vùng khác.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Kết quả xếp loại giáo dục của Học sinh ở từng khối lớp và toàn trường được thống kê đầy đủ cuối mỗi năm học. Tỷ lệ Học sinh xếp loại trung bình trở lên luôn đạt trên 99%, tỷ lệ Học sinh lưu ban dưới 1%. Từ năm học 2010-2011 đến năm học 2013-2014, nhà trường đánh giá kết quả học tập và xếp loại giáo dục Học sinh theo Thông tư 32/2009/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

Năm học 2014-2015, nhà trường thực hiện đánh giá Học sinh theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuối năm học, 100% Học sinh của trường đạt về mức độ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất; đánh giá định kì các môn học theo quy định, có 2995 Học sinh đạt điểm 5 trở lên, đạt tỷ lệ 99,67% [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

b) Số lượng Học sinh được đánh giá xếp loại giáo dục từ khá trở lên trong 5 năm gần đây như sau:

Năm học	Số học sinh	Kết quả xếp loại giáo dục			
		Giỏi		Khá	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2014-2015	2090	1403	67,13%	541	25,89%
2015-2016	2586	1966	76,02%	481	18,60%
2016-2017	2950	2428	82,31%	433	14,68%
2017-2018	2986	2291	76,72%	591	19,79%

Tỷ lệ Học sinh khá và giỏi từ năm học 2010-2011 đến 2013-2014 đạt trên 90%, trong đó Học sinh khá đạt từ 14,68% trở lên [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

Năm học 2014-2015, đánh giá theo Thông tư 30/2014/TT/BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường có 1942 Học sinh được khen thưởng, tỉ lệ 64,63% [H5-5-04-01].

c) Hằng năm, nhà trường có đầy đủ số liệu thống kê về kết quả học tập của từng lớp và toàn trường. Tỷ lệ Học sinh giỏi tăng dần ở từng năm, tỷ lệ Học sinh được xếp loại giỏi từ năm học 2010-2011 đến 2013-2014 đạt từ 67,13% trở lên [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

2. Điểm mạnh:

Kết quả xếp loại giáo dục của Học sinh được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ Học sinh khá và giỏi cao (trên 90%).

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả chất lượng, kết quả xếp loại giáo dục của Học sinh. Tăng cường công tác bồi dưỡng, phụ đạo Học sinh để rút ngắn khoảng cách về tỷ lệ Học sinh khá giỏi giữa các khối lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 5: Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

Mức 1:

a) Có các hình thức phù hợp để giáo dục ý thức tự chăm sóc sức khỏe cho học sinh;

- b) Khám sức khoẻ định kỳ, tiêm chủng cho học sinh theo quy định;*
- c) Học sinh tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam, là sự nghiệp của cộng đồng và sự chăm lo của toàn xã hội. Nhà trường luôn quan tâm đến việc chăm sóc sức khoẻ, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho Học sinh và thực hiện tốt các hình thức phù hợp để giáo dục ý thức tự chăm sóc sức khoẻ cho Học sinh qua các việc:

- Lập kế hoạch giáo dục ý thức tự chăm sóc sức khoẻ cho Học sinh trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh trong ăn uống, phòng chống dịch bệnh trong Học sinh [H5-5-05-01].

- Thực hiện các nội dung tuyên truyền về kế hoạch giáo dục ý thức tự chăm sóc sức khoẻ cho Học sinh. Học sinh tự kiểm tra mắt qua bảng tự đo thị lực được đặt ở sảnh, nơi các em thường vui chơi. Xây dựng bản tin, dán tờ rơi, áp phích tuyên truyền giáo dục sức khoẻ theo các nội dung chương trình giáo dục sức khoẻ [H5-5-05-02].

- Hoạt động giáo dục thể chất đạt hiệu quả cao, 100% Học sinh được đánh giá rèn luyện sức khoẻ từ trung bình trở lên [H5-5-05-03].

b) Hằng năm, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, khám chữa răng định kỳ, tổ chức tiêm chủng cho Học sinh lớp 1, xổ giun cho Học sinh theo quy định. Thống kê đầy đủ số liệu và báo về cho Cha mẹ học sinh biết tình hình sức khoẻ của con em để kịp thời theo dõi và điều trị [H5-5-05-04]; [H5-5-05-05].

c) Trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, Hiệu trưởng đều đưa nội dung giáo dục môi trường xanh, sạch, đẹp đến toàn thể Học sinh; đưa nội dung trang trí tạo mảng xanh cho lớp vào nội dung công tác chủ nhiệm của Giáo viên. Vì thế, Học sinh của trường luôn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như: quét dọn trường, lớp, chăm sóc vườn trường, cây xanh, tạo cảnh quan môi trường thêm đẹp; thực hiện tốt việc tắt đèn, quạt khi không cần thiết, sử dụng hiệu quả các thiết bị điện,... Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho các em Học

sinh tham gia vẽ tranh với nhiều chủ đề khác nhau, các em còn tham gia làm sản phẩm tái chế từ vỏ hộp sữa, ... từ đó góp phần chung tay bảo vệ môi trường [H4-4-02-01].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giữ vệ sinh ăn uống, luôn giáo dục ý thức tự chăm sóc sức khỏe cho Học sinh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% Học sinh.

- Hoạt động giáo dục thể chất đạt hiệu quả cao, đạt danh hiệu tiên tiến cấp thành phố nhiều năm liền, Học sinh được đánh giá rèn luyện sức khỏe từ trung bình trở lên, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong mỗi năm học, nhà trường luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, duy trì việc tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục Học sinh có ý thức tự chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 6: Hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 1:

a) Tỷ lệ học sinh lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 90% trở lên đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và từ 95% trở lên đối với các vùng khác;

b) Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến từ 35% trở lên đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và từ 50% trở lên đối với các vùng khác;

c) Có học sinh tham gia các hội thi, giao lưu do cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên tổ chức.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, tỷ lệ Học sinh lên lớp thẳng và Học sinh hoàn thành Chương

trình tiêu học đạt 100% [H5-5-06-01]; [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

Năm học 2017-2018, nhà trường thực hiện đánh giá Học sinh theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Thông tư 22 ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả như sau:

Năm học	Hoàn thành chương trình lớp học		Hoàn thành chương trình tiêu học	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2017-2018	3063/3007	99,87%	477/477	100%

b) Chất lượng học tập của Học sinh hằng năm đều tốt, từ năm học 2010-2011 đến 2013-2014 tỷ lệ Học sinh đạt danh hiệu Học sinh giỏi, Học sinh tiên tiến đạt 90% trở lên [H5-5-06-01]; [H5-5-04-01]; [H1-1-02-03].

Năm học 2014-2015, nhà trường thực hiện đánh giá Học sinh theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ Học sinh được khen thưởng đạt 64,63%.

c) Trong các hội thi cấp huyện và thành phố tổ chức như: Ngày hội “Em tập viết đúng, viết đẹp”, giải Toán qua mạng Internet, thi Tiếng Anh qua mạng Internet, tài năng tin học, văn nghệ, thể dục thể thao, nét vẽ xanh, nghi thức Đội,... nhà trường đều có Học sinh tham gia và đạt giải. Đặc biệt, năm học 2014-2015, trường có một Học sinh đạt thủ khoa khối lớp 4 Hội thi giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi đồng [H5-5-06-02]; [H1-1-06-02].

2. Điểm mạnh:

- Trong các năm học 2010-2011 đến 2013-2014, tỷ lệ Học sinh đạt danh hiệu Học sinh giỏi, Học sinh tiên tiến cao hơn chuẩn quy định. Học sinh hoàn thành chương trình tiêu học trong 05 năm qua luôn đạt 100%. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục Học sinh của nhà trường được giữ vững, ổn định qua nhiều năm.

- Học sinh tích cực tham gia các hội thi do nhà trường và huyện tổ chức.

3. Điểm yếu: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, chủ động phối hợp tổ chức các hoạt động giao lưu học tập cho Giáo viên và Học sinh trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 7: Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 1:

- a) *Giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh;*
- b) *Tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo;*
- c) *Học sinh sưu tầm và tự làm đồ dùng học tập, chủ động giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường đã tổ chức thực hiện nhiều hình thức để rèn luyện kỹ năng sống cho Học sinh thông qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật: hát, múa, diễn kịch, kể chuyện,... hình thành cho các em kỹ năng mạnh dạn, tự tin trong sinh hoạt tập thể. Hoạt động vui chơi giải trí làm thỏa mãn tinh thần của các em sau những giờ học căng thẳng, góp phần rèn luyện một số phẩm chất: đoàn kết, trung thực, hòa đồng, ý thức tổ chức kỷ luật,... Hoạt động xã hội, bồi dưỡng các em về nhân cách, đặc biệt là lòng nhân ái, biết giúp người gặp khó khăn, hoạn nạn. Hoạt động lao động công ích: trực nhật, vệ sinh lớp học, chăm sóc cây kiểng, vườn trường,... giúp các em thích nghi với cuộc sống xung quanh. Bên cạnh đó, Giáo viên cũng thường xuyên lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống cho Học sinh qua các môn học Đạo đức, Tự nhiên xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lý,... giúp các em có thói quen rèn luyện sức khỏe, ý thức tự bảo vệ bản thân, phòng ngừa tai nạn giao thông, đuối nước,... [H1-1-06-01]; [H4-4-02-01].

b) Với phương châm “Học mà chơi, chơi mà học”, Giáo viên luôn thiết kế các trò chơi cho Học sinh tham gia, gần gũi, động viên, khuyến khích tạo không

khí thoải mái. Ngoài ra, Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động làm việc theo nhóm, tạo cơ hội cho Học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, biết cách phân công công việc, lắng nghe ý kiến người khác, tranh luận, biết chấp nhận đúng sai, thống nhất ý kiến [H1-1-03-06].

c) Học sinh có ý thức sưu tầm đồ dùng học tập, tranh ảnh trong các tiết học theo hướng dẫn của giáo viên và tích cực tự làm đồ dùng học tập phù hợp với nội dung bài của môn Tự nhiên xã hội, Tiếng Việt, Đạo đức,... [H5-5-07-01]. Giáo viên chủ nhiệm các lớp thường xuyên phân công Học sinh giỏi giúp đỡ Học sinh yếu, hình thành các đôi bạn cùng tiến, chủ động giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện cho toàn thể Cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia vào quá trình giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cho Học sinh trong các hoạt động của trường phù hợp với độ tuổi Học sinh. Học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo; luôn mạnh dạn tự tin khi tham gia các hoạt động tập thể, chủ động giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

3. Điểm yếu:

Công tác sưu tầm và tự làm đồ dùng học tập của Học sinh có thực hiện nhưng hiệu quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm, tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho Học sinh; tạo điều kiện và cơ hội cho Học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh đẩy mạnh phong trào sưu tầm và tự làm đồ dùng học tập của Học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường thực hiện đúng chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch năm học rõ ràng cụ thể. Kế hoạch năm học được cụ thể hoá thành kế hoạch học kỳ, tháng, tuần giúp Giáo viên thực hiện tốt chương trình giáo dục.

- Nhà trường phối hợp với Hội đồng Giáo dục xã Bà Điểm thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tại địa phương. Trong những năm học qua, nhà trường luôn được sự đồng tình, hưởng ứng tốt từ Cha mẹ học sinh trong công tác chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

- Kết quả về học lực của Học sinh luôn ổn định và từng bước được nâng cao. Tỷ lệ Học sinh khá giỏi đạt trên 90%, không có Học sinh nghỉ bỏ học, tỷ lệ Học sinh chưa hoàn thành lớp học dưới 1%.

- Cán bộ quản lý phối hợp tốt với các đoàn thể trong trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đã góp phần rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu, giúp đỡ Học sinh yếu kém, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục Học sinh phát triển toàn diện.

Điểm yếu cơ bản:

- Việc tổ chức tham quan thực tế các di tích lịch sử cho Học sinh còn hạn chế do thiếu phương tiện và kinh phí tổ chức.

- Công tác sưu tầm và phong trào tự làm đồ dùng học tập của Học sinh chưa được đầu tư cao.

Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 7/7

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng các chỉ số đạt mức 1: 78/84 Tỷ lệ: 92,86%

- Số lượng các chỉ số không đạt: 06/84 Tỷ lệ: 7,14%

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 23/28 Tỷ lệ: 82,14%

+ Tiêu chuẩn 1 gồm các tiêu chí: 1, 3, 4, 5, 6, 7;

- + Tiêu chuẩn 2 gồm các tiêu chí: 1, 3, 5;
- + Tiêu chuẩn 3 gồm tiêu chí: 2, 4, 5, 6;
- + Tiêu chuẩn 4 gồm tiêu chí: 1, 2, 3;
- + Tiêu chuẩn 5 gồm các tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.
- Số lượng các tiêu chí không đạt: 05/28 Tỷ lệ: 17,86%
- + Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2, chỉ số b: Sĩ số Học sinh trên lớp quá đông so với quy định (56,79 Học sinh/lớp);
- + Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2, chỉ số a: Số lượng Giáo viên của trường chưa đảm bảo tỷ lệ 1,5 Giáo viên/lớp đối với trường dạy 2 buổi/ngày;
- + Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2, chỉ số b: Trường còn thiếu Giáo viên chuyên bộ môn Mỹ thuật;
- + Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4, chỉ số b: Nhân viên làm công tác thiết bị dạy học chưa được đào tạo đúng chuyên ngành theo quy định;
- + Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1, chỉ số a: Diện tích mặt bằng xây dựng chưa đảm bảo bình quân tối thiểu $6m^2/1\text{Học sinh}$ (Chỉ đạt $3,75m^2$)
- + Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3, chỉ số a: Trường chưa có phòng giáo dục thể chất;
- + Tiêu chuẩn 4 gồm tiêu chí: Không có;
- + Tiêu chuẩn 5 gồm các tiêu chí: Không có.

Căn cứ vào Điều 31, Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục **Cấp độ 1**.

Căn cứ trên báo cáo kiểm định chất lượng này, Trường Tiểu học Tây Bắc Lân, huyện Hóc Môn sẽ phát huy những ưu điểm và cố gắng khắc phục những hạn chế để hoạt động giáo dục nhà trường ngày càng phát triển.

Hóc Môn, ngày 19 tháng 03 năm 2019


 Nguyễn Thị Ngọc Dung